

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17-6-2021

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Vụ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hoài Phương và ông Phạm Xuân Đức

**- Thư ký phiên toà:** Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà:**  
Ông Trương Văn Nhẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14-12-2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 04-5-2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Như L; địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

*Bị đơn:* Bà Vũ Thị T; địa chỉ: Thôn 10, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Nguyễn Như L trình bày:* Ông L và bà Vũ Thị T đăng ký kết hôn vào năm 1982 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên, tuy nhiên hiện tại giấy đăng ký kết hôn bà Vũ Thị T đang giữ nên không có để cung cấp cho Tòa án. Quá trình chung sống ông L và bà T bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông L ly hôn với bà T; về con chung: ông L và bà T có 05 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: theo đơn khởi kiện ngày 04-11-2020 ông L yêu cầu Tòa án chia khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ 30.000.000 đồng; đến ngày 28-12-2020 ông L xin rút yêu cầu chia khoản nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông L tự nguyện trả khoản nợ trên cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đắk Glong khi đến hạn, không yêu cầu bà T cùng trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Vũ Thị T không đến làm việc mặc dù Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, niêm yết công khai. Do vậy Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đăk Glong có đơn đề nghị Tòa án không tham gia tố tụng trong vụ án ly của Ông L và bà T; đối với khoản nợ của ông L bà T, ông L đã cam kết sẽ trả khoản nợ này cho Ngân hàng khi đến hạn; trường hợp ông L không trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Như L được ly hôn với bà Vũ Thị T; về con chung, tài sản chung không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về nợ chung: nguyên đơn đã rút yêu cầu về chia nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp*: Bị đơn bà Vũ Thị T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 10, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông; nguyên đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề ly hôn nên Hội đồng xét xử xét xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Như L, Hội đồng xét xử xét thấy*:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Quá trình giải quyết vụ án ông L không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn; tuy nhiên căn lời khai của ông L và các tài liệu khác lưu trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định ông L và bà T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 (trước ngày 03-01-1987) nên quan hệ vợ chồng giữa ông L, bà T được khuyến khích đăng ký kết hôn theo quy định tại mục

3 nghị quyết 35/2000/QH10 hướng dẫn Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đồng thời căn cứ vào công văn số 93/CV-UBND ngày 12-4-2021 của UBND xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên xác nhận sự kiện ông L và bà T đăng ký kết hôn tại xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên khoảng năm 1982 là đúng. Do đó, nguyên đơn ông Nguyễn Như L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà T là có căn cứ.

Mặc dù bà Vũ Thị T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng xét thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa ông L và bà T không hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; hiện tại bà T và ông L đã ly thân, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L đối với bà T.

[2.2]. *Về con chung, tài sản chung*: ông L bà T có 05 con chung nhưng đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.3]. *Về nợ chung*: Nguyên đơn ông Nguyễn Như L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia nợ chung, không yêu cầu giải quyết cầu Tòa án giải quyết nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Ông Nguyễn Như L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Như L.

**1.1. Về quan hệ hôn nhân**: Ông Nguyễn Như L được ly hôn với bà Vũ Thị T.

**1.2.** Về con chung và tài sản chung không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

**1.3.** Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ chung.

**2. Về án phí**: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Như L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005764, ngày 14-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong; anh Ánh đã nộp xong án phí.

**3. Về quyền kháng cáo**: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Q, huyện Đ (để vào sổ Hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Quốc Vụ**